

DOI: <https://doi.org/10.59294/HIUIJS20250136>

ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC VỀ PHÒNG NGỪA LÂY NHIỄM VIÊM GAN B Ở NGƯỜI BỆNH ĐẾN KHÁM TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2025

Dương Thị Hoàng Liên*, Nguyễn Minh Phúc
Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Viêm gan B là một bệnh gan nghiêm trọng, có thể dẫn đến xơ gan và ung thư biểu mô tế bào gan (HCC) tại Việt Nam. Mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá kiến thức phòng ngừa lây nhiễm viêm gan B ở người bệnh đến khám tại Bệnh viện đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Tất cả người bệnh trên 18 tuổi đến khám, kiểm tra sức khỏe tại Phòng khám Viêm gan, Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai, có làm xét nghiệm tầm soát viêm gan B với kết quả dương tính lần đầu tiên. Thời gian: Từ tháng 4 - 7/2025. Kết quả: Khảo sát 152 người bệnh, kiến thức phòng ngừa viêm gan B cao nhất là nhóm 31 - 45 tuổi (85.1%), thấp nhất là nhóm tuổi > 60 tuổi (53.8%) và hầu hết là nhóm viên chức, công chức (97.1%), cao hơn các nhóm còn lại. Nhóm đã tiêm vắc xin có kiến thức cao hơn (84.5%) nhóm chưa tiêm vắc xin (77.2%). Kết luận: Tỷ lệ người bệnh có kiến thức về phòng ngừa lây nhiễm viêm gan B là 79.6%. Nhóm 31 - 45 tuổi và < 30 tuổi có kiến thức đạt cao hơn so với nhóm trên 46 tuổi ($p = 0.05$). Nhóm viên chức, công chức có kiến thức phòng ngừa tốt nhất ($p = 0.018$). Nhóm đã tiêm vắc xin viêm gan B có kiến thức đạt cao hơn nhóm chưa tiêm ($p = 0.02$).

Từ khóa: viêm gan B, ung thư gan, xơ gan, HCC

ASSESSMENT OF KNOWLEDGE ABOUT HEPATITIS B INFECTION PREVENTION AMONG PATIENTS ATTENDING THONG NHAT DONG NAI GENERAL HOSPITAL IN 2025

Duong Thi Hoang Lien, Nguyen Minh Phuc

ABSTRACT

Background: Hepatitis B is a serious liver disease that can lead to cirrhosis and hepatocellular carcinoma (HCC) in Viet Nam. Objective: To assess knowledge regarding the prevention of Hepatitis B transmission among patients visiting Thong Nhat Dong Nai General Hospital. Materials and Methods: The study included all patients aged 18 and older who visited the Hepatitis Clinic at Thong Nhat General Hospital, Dong Nai, for medical examination and health check-ups, and tested positive for Hepatitis B for the first time during screening. The study period was from April to July 2025. Results: A survey of 152 patients showed that knowledge regarding Hepatitis B prevention was highest in the 31 - 45 age group (85.1%) and lowest in the group aged > 60 years (53.8%). Public servants/officials demonstrated the highest knowledge rate (97.1%), surpassing other occupational groups. The group vaccinated against Hepatitis B exhibited higher knowledge levels (84.5%) compared to the unvaccinated group (77.2%). Conclusion: The proportion of patients with satisfactory knowledge of Hepatitis B prevention was 79.6%. Patients aged 31 - 45 and those under 30 demonstrated significantly better knowledge compared to the group aged over 46 ($p = 0.05$). Public servants/officials possessed the best preventive knowledge ($p = 0.018$). Patients vaccinated against Hepatitis B showed higher knowledge levels than those who had not been vaccinated ($p = 0.02$).

Keywords: hepatitis B, liver cancer, cirrhosis, hepatocellular carcinoma

* Tác giả liên hệ: Dương Thị Hoàng Liên, Email: hoanglien3347@gmail.com
(Ngày nhận bài: 13/11/2025; Ngày nhận bản sửa: 01/12/2025; Ngày duyệt đăng: 03/12/2025)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm gan B (VGB) là một trong những bệnh truyền nhiễm phổ biến và nguy hiểm nhất hiện nay, gây ra bởi virus viêm gan B (HBV). Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Việt Nam được xếp vào vùng có tỷ lệ lưu hành HBV cao, với khoảng 15% dân số nhiễm, tương đương 10 - 12 triệu người mang mầm bệnh [1, 2]. Đáng lo ngại là phần lớn người nhiễm HBV không có triệu chứng lâm sàng rõ ràng, dẫn đến việc phát hiện bệnh muộn, khi đã xuất hiện biến chứng xơ gan hoặc ung thư gan. HBV được xem là nguyên nhân gây ung thư đứng hàng thứ hai sau thuốc lá, chiếm 60-80% trường hợp ung thư gan nguyên phát và 50% trường hợp xơ gan [3].

Tại Việt Nam, mặc dù chương trình tiêm chủng mở rộng đã triển khai tiêm vắc xin VGB từ năm 2003, song tỷ lệ hiểu biết đúng về bệnh, đường lây và biện pháp phòng ngừa trong cộng đồng vẫn còn thấp. Thực tế tại phòng khám Viêm gan, Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai cho thấy, nhiều người bệnh đến khám để tầm soát HBV nhưng chưa nắm rõ kiến thức cơ bản về bệnh và lợi ích của tiêm vắc xin [4]. Một số ít người có hiểu biết thông qua mạng internet, tuy nhiên đa số chưa nhận thức đầy đủ về mức độ nguy hiểm của bệnh cũng như tầm quan trọng của phát hiện sớm.

Tiêm vắc xin được xem là biện pháp dự phòng hiệu quả và an toàn nhất trong phòng ngừa lây nhiễm HBV [2, 4]. Tuy nhiên, việc tiêm chủng chỉ phát huy tác dụng khi người dân hiểu đúng, chủ động thực hiện và duy trì các biện pháp phòng ngừa chuẩn trong cuộc sống hàng ngày. Do đó, việc đánh giá mức độ hiểu biết của người dân, đặc biệt là nhóm người bệnh đến khám tại cơ sở y tế, có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục sức khỏe và hoạch định các chương trình truyền thông cộng đồng. Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu “Đánh giá kiến thức về phòng ngừa lây nhiễm viêm gan B ở người bệnh đến khám tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai năm 2025” được thực hiện nhằm xác định tỷ lệ người bệnh có kiến thức đúng về phòng ngừa lây nhiễm HBV và tìm hiểu các yếu tố liên quan như tuổi, giới tính, nghề nghiệp, nơi cư trú, tiền sử tiêm vắc xin và tiền sử gia đình mắc bệnh. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học giúp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, góp phần hạn chế sự lây lan của viêm gan B trong cộng đồng. Mục tiêu tổng quát của nghiên cứu là xác định tỷ lệ người bệnh có kiến thức về phòng lây nhiễm viêm gan B tại phòng khám Viêm gan năm 2025. Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

1. Xác định tỷ lệ người bệnh có kiến thức phòng lây nhiễm bệnh viêm gan B.
2. Xác định một số yếu tố liên quan giữa kiến thức về bệnh viêm gan B với: Tuổi, giới tính, nơi cư trú, nghề nghiệp, tiền sử tiêm vắc xin, trong gia đình có người mắc viêm gan B.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả người bệnh đến khám tại phòng khám Viêm gan có làm xét nghiệm tầm soát viêm gan B. Nghiên cứu được thực hiện ở người bệnh trên 18 tuổi đến khám, kiểm tra sức khỏe tại phòng khám Viêm gan, Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai từ tháng 4/2025 đến tháng 07/2025.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Người bệnh từ 18 tuổi trở lên, đến khám tại phòng khám Viêm gan, Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai có kết quả HBV dương tính, người bệnh đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Người bệnh không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu theo phương pháp mô tả cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu

Sử dụng công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{\Delta^2}$$

$p = 48.1\%$ theo tác giả Lê Minh Thi và Cộng sự (2021) [3]. Theo đó, cỡ mẫu tối thiểu của nghiên cứu là 150 người bệnh.

2.2.3. Phương pháp chọn mẫu

Chọn những người bệnh có xét nghiệm HBV dương tính, biết đọc chữ, biết viết, nghe được và tinh thần bình thường. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2.4. Nội dung nghiên cứu

Phỏng vấn trực tiếp với các đối tượng theo bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên nghiên cứu: Lê Minh Thi, Trần Thị Diễm (2021) “*Kiến thức, thực hành phòng lây nhiễm viêm gan B của người bệnh mới vào điều trị tại khoa nghiên cứu và điều trị viêm gan, Bệnh viện Chợ Rẫy*”. Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 2022, với $p < 0.05$ được xem là có ý nghĩa thống kê.

Bảng câu hỏi khảo sát kiến thức về phòng ngừa lây nhiễm viêm gan B:

Câu 1: Nguyên nhân gây bệnh VGB do: *1

Câu 2: Ăn uống không vệ sinh có gây VGB không? *1

Câu 3: VGB là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm? *1

Câu 4: Người bệnh mạnh khỏe vẫn mắc bệnh VGB? *1

Câu 5: Hậu quả khi mắc bệnh VGB? (chọn nhiều đáp án) *5

Câu 6: Các đường lây nhiễm gan B? (chọn nhiều đáp án) *3

Câu 7: Các nguy cơ lây nhiễm VGB có thể là *3

Câu 8: Nguồn lây nhiễm VGB là *3

Câu 9: Cách phòng ngừa VGB là? (chọn nhiều đáp án) *4

Câu 10: Bạn hiểu như thế nào về Vắc xin VGB? *3

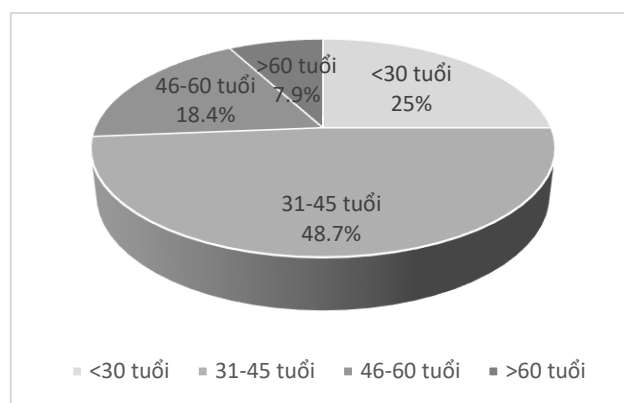
2.2.5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện dưới sự đồng ý của hội đồng khoa học và hội đồng đạo đức của Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai số 472Q-BYT Ngày 17/4/2025. Sự đồng ý của người bệnh, giữ bí mật thông tin của người bệnh được nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

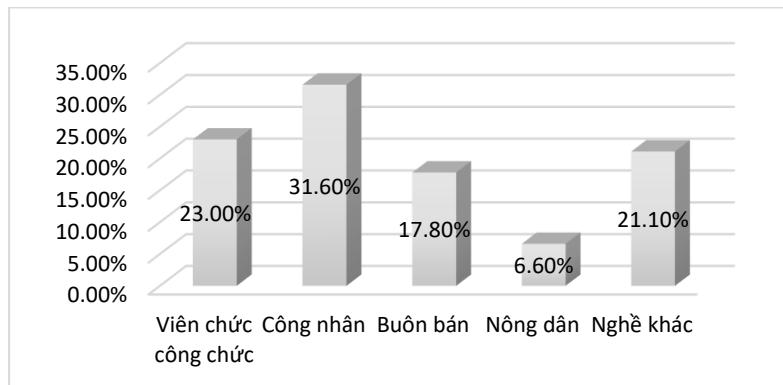
Qua khảo sát 152 người bệnh tham gia nghiên cứu về kiến thức về phòng ngừa lây nhiễm viêm gan siêu vi B tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai năm 2025. Chúng tôi có kết quả như sau.

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu



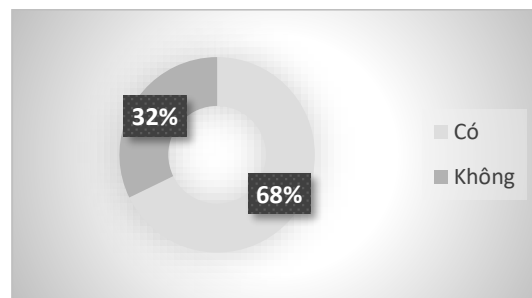
Hình 1. Phân bố theo độ tuổi

Nhận xét: Qua khảo sát 152 người bệnh, nhóm tuổi từ 31- 45 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (48.7%), kế đến nhóm dưới 30 tuổi cũng chiếm tỷ (25%), nhóm từ 46 - 60 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ 18.4 %, thấp nhất là nhóm > 60 tuổi tỷ lệ chỉ 7.9%.



Hình 2. Phân bố theo nghề nghiệp

Nhận xét: Qua khảo sát 152 người bệnh nhóm công nhân chiếm tỷ lệ cao nhất (31.6%), tiếp theo là viên chức công chức (23.0%) và nhóm nghề khác (21.1%). Các nhóm buôn bán (17.8%) và nông dân (6.6%).



Hình 3. Tiền sử tiêm vắc xin

Nhận xét: Trong tổng số 152 người tham gia khảo sát, có 103 người đã từng tiêm vắc xin viêm gan B (chiếm 67.8%), trong khi 49 người chưa từng tiêm (chiếm 32.2%).

3.2. Kiến thức về bệnh viêm gan B

Bảng 1. Phân bố kiến thức phòng ngừa bệnh viêm gan B

Thông tin chung		Người bệnh có kiến thức đúng		Người bệnh có kiến thức chưa đúng	
		Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	58	80.6%	14	19.4%
	Nữ	63	78.8%	17	21.2%
Tuổi	< 30 tuổi	32	84.2%	6	15.8%
	31 - 45 tuổi	63	85.1%	11	14.9%
	46 - 60 tuổi	19	67.9%	9	21.1%
	> 60 tuổi	7	53.8%	5	41.7%
Nơi sinh sống	Thành thị	60	82.2%	13	17.8%
	Nông thôn	61	77.2%	18	22.8%
Nghề nghiệp	Viên chức, công chức	34	97.1%	1	2.9%
	Công nhân	38	79.2%	10	20.8%
	Buôn bán	17	63.0%	10	37.0%
	Nông dân	7	70.0%	3	30.0%
	Khác	25	78.1%	7	21.9%

Thông tin chung		Người bệnh có kiến thức đúng		Người bệnh có kiến thức chưa đúng	
		Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Tiêm vắc xin	Có	87	84.5%	16	15.5%
	Không	31	77.2%	18	22.8%
Gia đình có người bị viêm gan B	Có	114	80.3%	28	19.7%
	Không	7	70.0%	3	30.0%

Nhận xét: Qua khảo sát 152 người bệnh cho thấy kiến thức đúng ở nam giới có kiến thức cao hơn (80.6%) so với nữ giới (78.8%). Độ tuổi có kiến thức đúng cao nhất là từ 31 - 45 tuổi (85.1%), thấp nhất trên 60 tuổi (53.8%). Người sống ở thành thị có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn (82.2%) so với người ở nông thôn (77.2%). Viên chức, công chức có tỷ lệ kiến thức đúng cao nhất (97.1%), tiếp theo là công nhân (79.2%) và nhóm nghề khác (78.1%). Trong khi đó, nhóm buôn bán và nông dân có tỷ lệ kiến thức đúng thấp hơn (63.0% và 70.0%). Người đã tiêm vắc xin có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn (84.5%) so với người chưa tiêm (77.2%). Người có người thân mắc viêm gan B có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn (80.3%) so với người không có (70.0%).

3.3 Môi liên quan giữa kiến thức phòng ngừa viêm gan B với một số yếu tố (n = 152)

Bảng 2. Môi liên quan giữa kiến thức phòng ngừa viêm gan B với một số yếu tố

Thông tin chung		Người bệnh có kiến thức đúng		Người bệnh có kiến thức chưa đúng		p
		Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)	
Giới tính	Nam	58	80.6%	14	19.4%	0.4
	Nữ	63	78.8%	17	21.2%	
Tuổi	< 30 tuổi	32	84.2%	6	15.8%	0.05
	31 - 45 tuổi	63	85.1%	11	14.9%	
	46 - 60 tuổi	19	67.9%	9	21.1%	
	> 60 tuổi	7	53.8%	5	41.7%	
Nơi sinh sống	Thành thị	60	82.2%	13	17.8%	0.2
	Nông thôn	61	77.2%	18	22.8%	
Nghề nghiệp	Viên chức, công chức	34	97.1%	1	2.9%	0.018
	Công nhân	38	79.2%	10	20.8%	
	Buôn bán	17	63.0%	10	37.0%	
	Nông dân	7	70.0%	3	30.0%	
	Khác	25	78.1%	7	21.9%	
Tiêm vắc xin	Có	87	84.5%	16	15.5%	0.02
	Không	31	77.2%	18	22.8%	
Gia đình có người bị viêm gan B	Có	114	80.3%	28	19.7%	0.4
	Không	7	70.0%	3	30.0%	

Nhận xét: Trong các yếu tố thông tin người bệnh, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kiến thức phòng ngừa viêm gan B theo tuổi ($p = 0.05$), nghề nghiệp ($p = 0.018$) và tiền sử tiêm vắc xin ($p = 0.02$). Cụ thể, người bệnh trẻ tuổi làm việc trong khối viên chức, công chức và đã tiêm vắc xin có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn. Trong khi đó các yếu tố như giới tính, nơi sinh sống và tiền sử gia đình có người mắc viêm gan B cho thấy không có mối liên quan và không có ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$).

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nhóm 31- 45 tuổi tỷ lệ có kiến thức cao nhất (85.1%), tiếp

đến là nhóm dưới 30 tuổi (84.2%), trong khi nhóm trên 60 tuổi chỉ đạt 53.8%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p = 0.05$). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trần Phước Thịnh [4], trong đó nhóm dưới 50 tuổi có khả năng nhận thức và phòng bệnh tốt hơn nhóm trên 50 tuổi. Nguyên nhân có thể do người trẻ có khả năng tiếp cận thông tin qua mạng xã hội, Internet và các chiến dịch truyền thông y tế tốt hơn. Ngoài ra, người cao tuổi thường có hạn chế về học vấn, khả năng đọc hiểu và ít được tiếp xúc với các chương trình truyền thông hiện đại, dẫn đến kiến thức còn hạn chế, vì vậy bác sĩ và điều dưỡng phụ trách phòng khám Viêm gan B cần giải thích rõ nguồn lây, nguyên nhân gây bệnh và nguy hiểm của việc không tuân thủ điều trị cho nhóm trên 60 tuổi.

Sự khác biệt về giới tính trong nghiên cứu này không có ý nghĩa thống kê ($p = 0.4$). Tỷ lệ có kiến thức ở nam giới là 80.6% và ở nữ là 78.8%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của các tác giả [3, 4], đều cho thấy giới tính không phải là yếu tố ảnh hưởng rõ rệt đến mức độ hiểu biết.

Kiến thức của người sống ở thành thị (82.2%) cao hơn so với nông thôn (77.2%), tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Trường [5], cho rằng sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn đang dần thu hẹp nhờ hệ thống y tế cơ sở và truyền thông cộng đồng được mở rộng.

Nhóm viên chức - công chức có kiến thức cao nhất (97.1%), cao hơn đáng kể so với nhóm buôn bán (63.0%) và nông dân (70.0%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu [6, 7], cho thấy nhóm viên chức, công chức có trình độ học vấn và nghề nghiệp ổn định có khả năng tiếp cận thông tin tốt hơn, kiến thức hiểu biết về bệnh tốt hơn. Nhóm buôn bán và nông dân thường bận rộn vì vậy bác sĩ và điều dưỡng cần tập trung hướng dẫn các video, tài liệu ngắn gọn, dễ nhớ. Nhấn mạnh rằng phòng ngừa và điều trị sớm giúp tránh mất sức lao động, giảm chi phí y tế, bảo vệ nguồn thu nhập và hạn chế biến chứng của viêm gan B. Người đã tiêm vắc xin tỷ lệ có kiến thức 84.5%, cao hơn nhóm chưa tiêm (77.2%) với $p < 0.05$. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đỗ Trung Đông [6] và khẳng định rằng tiêm chủng không chỉ là biện pháp dự phòng hiệu quả mà còn phản ánh mức độ chủ động của cá nhân trong việc tìm hiểu và bảo vệ sức khỏe.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nhóm có người thân mắc viêm gan B có kiến thức 80.3%, cao hơn nhóm không có tiền sử gia đình mắc bệnh (70.0%), tuy nhiên không có ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$). Kết quả này khác với nghiên cứu của Lê Minh Thi [3], có thể do đối tượng trong nghiên cứu hiện tại đã tìm hiểu các thông tin về bệnh viêm gan B sau khi phát hiện bệnh nên nhận thức của cả hai nhóm không chênh lệch lớn.

Kết quả 79.6% người bệnh có kiến thức trong nghiên cứu này cao hơn đáng kể so với nghiên cứu của Lê Minh Thi tại Bệnh viện Chợ Rẫy, nơi tỷ lệ kiến thức đạt 48.1% [3]. Sự khác biệt này có thể do đặc điểm dân số khác nhau: Đối tượng tại Bệnh viện Chợ Rẫy là bệnh nhân nhập viện, thường có tâm lý lo lắng, tập trung vào điều trị hơn là phòng ngừa. Trong khi đó, đối tượng tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai chủ yếu là người khám ngoại trú, được tư vấn và tham gia nhiều hoạt động truyền thông cộng đồng, dẫn đến tỷ lệ kiến thức đạt cao hơn.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 152 người bệnh đến khám tại Phòng khám 218 Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai năm 2025 cho thấy tỷ lệ có kiến thức đúng về phòng ngừa lây nhiễm viêm gan B là 79.6%. Đây là một kết quả khả quan, phản ánh sự cải thiện rõ rệt trong nhận thức của người bệnh so với các nghiên cứu trước đó, đồng thời cho thấy công tác tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe tại bệnh viện và trong cộng đồng đã có tác động tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn 20.4% người bệnh có kiến thức chưa đúng, điều này cho thấy nguy cơ tồn tại hành vi không an toàn vẫn còn tồn tại.

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Nhóm tuổi 31 - 45 và < 30 tuổi có kiến thức đạt cao hơn so với nhóm trên 46 tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0.05$).
- Tỷ lệ có kiến thức ở nam giới 80,6% cao hơn nữ giới 78.8%, sự khác biệt không có ý nghĩa thống

kê ($p = 0.4$).

- Nghề nghiệp có ảnh hưởng rõ rệt, nhóm viên chức, công chức đạt tỷ lệ kiến thức cao nhất (97.1%), khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0.018$).
- Người đã tiêm vắc xin viêm gan B có kiến thức đạt cao hơn nhóm chưa tiêm (84.5% so với 77.2%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0.02$).
- Nhóm có người thân mắc viêm gan B có kiến thức 80.3%, cao hơn nhóm không có người thân mắc (70%), không có ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N. T. Q. Trang, “Xác định tỉ lệ nhiễm VRVGB (HbsAg) và VRVGC (anti HCV) trong huyết thanh người tại một xã vùng đồng bằng bắc bộ Việt Nam năm 2011”, Luận văn thạc sĩ khoa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2012.
- [2] World Health Organization, “Hepatitis B, WHO Press, Switzerland”, 2019.
- [3] L. M. Thi và T. T. Diễm, “Kiến thức, thực hành phòng lây nhiễm viêm gan B của người bệnh mới vào điều trị tại khoa nghiên cứu và điều trị viêm gan, Bệnh viện Chợ Rẫy,” *Tạp chí nghiên cứu y học*, tập 149, số 1, tr.237-248, 2021.
- [4] T. P. Thịnh, “Tình hình và một số yếu tố liên quan đến nhiễm Virus Viêm gan B, C ở bệnh nhân đến khám tại phòng khám Nội tiêu hóa gan mật, BVĐK thành phố Cần Thơ năm 2016-2017,” *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, số 45, tr.28-37, 2022.
- [5] N. M. Trường, K.T. Lương và N.T. Thương, “Mô tả thực trạng kiến thức, thực hành phòng bệnh viêm gan của các bà mẹ có con bị viêm gan B mạn tính đang điều trị tại Bệnh viện Nhiệt Đới Trung ương,” *Truyền nhiễm Việt Nam*, tập 37, số 01, tr.89-95, 2022.
- [6] Đ. T. Đông, L. Đ. Nhuận, N. T. M. Duyên và P. T. Tâm, “Tình hình nhiễm viêm gan B mạn tính và một số yếu tố liên quan ở cán bộ cao cấp khám sức khỏe định kỳ tại Bệnh viện Quân y 121 năm 2020- 2021,” *Tạp chí Y Dược Cần Thơ*, số 39, tr.125-131, 2021.
- [7] L. T. D. Trinh, “Tỷ lệ nhiễm virut viêm gan B ở nữ giới người đồng bào Khmer Nam Bộ Huyện Trà Cú Tỉnh Trà Vinh 2020 - 2021,” *Vietnam Journal of Community Medicine*, tập 65, số 8, tr. 176-184, 2020.